

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGHĨA THÁI ĐỘ TRONG LỜI BÀI HÁT MV BẮC BLING  
DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA THUYẾT ĐÁNH GIÁ

VÕ DUY ĐỨC\* - HÀ THANH HẢI\*\* - BUI THỊ ĐÀO\*\*\*

**TÓM TẮT:** Bài viết này vận dụng Thuyết Đánh giá (Appraisal Theory) của Martin & White (2005), cụ thể là hệ thống Thái độ (Attitude), để phân tích các biểu hiện thái độ trong ca từ MV “Bắc Bling” của Hòa Minzy. Dưới lăng kính ba tiểu hệ thống gồm Cảm xúc (Affect), Phán xét (Judgement), và Đánh giá cảm quan (Appreciation), nghiên cứu chỉ ra rằng ca từ không chỉ thể hiện cái tôi trữ tình giàu cảm xúc mà còn truyền tải các đánh giá tích cực về phẩm chất con người, không gian văn hóa, và giá trị nghệ thuật vùng Kinh Bắc. Kết quả cho thấy Cảm xúc chiếm tần suất cao nhất, tiếp đến là Phán xét và cuối cùng là Đánh giá cảm quan. Có thể thấy, ca từ trong MV Bắc Bling được nhìn nhận như một không gian diễn ngôn giàu ngôn từ bày tỏ thái độ, nơi bản sắc cá nhân và bản sắc văn hóa cộng đồng cùng được kiến tạo thông qua lựa chọn ngôn ngữ đánh giá. Nghiên cứu góp phần khẳng định khả năng ứng dụng của Thuyết Đánh giá trong phân tích ca từ âm nhạc đương đại có yếu tố truyền thống.

**TỪ KHÓA:** Thuyết Đánh giá; nghĩa thái độ; cảm xúc; phán xét; đánh giá cảm quan; Bắc Bling.

**NHẬN BÀI:** 14/07/2025.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 11/08/2025

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, việc phân tích ngôn ngữ trong văn hóa đại chúng, đặc biệt là ca từ âm nhạc, trở thành hướng nghiên cứu tiềm năng của ngôn ngữ học ứng dụng. Ca khúc *Bắc Bling* (MV do Hòa Minzy thực hiện) là một sản phẩm âm nhạc hiện đại nhưng mang đậm dấu ấn văn hóa dân gian Việt Nam, kết hợp giữa yếu tố truyền thống (dân ca Quan họ, phong tục tập quán vùng Bắc Ninh) và yếu tố đương đại (cách biểu đạt trẻ trung, kết hợp rap/pop). Bài báo này vận dụng Thuyết Đánh giá (Appraisal Theory) do Martin và White (2005) đề xuất, cụ thể là hệ thống Thái độ (Attitude), để phân tích ngôn ngữ đánh giá biểu đạt nghĩa thái độ trong ca từ “Bắc Bling”, từ đó làm rõ cách bài hát thể hiện cảm xúc, các giá trị đạo đức và đánh giá thẩm mỹ, đồng thời tái hiện bản sắc văn hóa địa phương.

Thuyết Đánh giá (Appraisal Theory), được phát triển bởi Martin và White (2005) trong khuôn khổ Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics - SFL), là một hệ thống ngữ nghĩa liên nhân dùng để miêu tả cách người nói/ người viết thể hiện lập trường, đánh giá và cảm xúc trong giao tiếp ngôn ngữ. Khác với các lý thuyết ngữ pháp truyền thống tập trung vào cấu trúc hình thức, Thuyết Đánh giá hướng đến khám phá chiều sâu ngữ nghĩa mang tính xã hội, cách người sử dụng ngôn ngữ định vị bản thân và người khác trong diễn ngôn. Ba hệ thống trọng yếu trong Thuyết Đánh giá bao gồm: Thái độ (Attitude), Sự tham thoại (Engagement) và Cường độ (Graduation). Trong đó, hệ thống Thái độ là công cụ ngữ nghĩa dùng để thể hiện các bình diện đánh giá bao gồm: cảm xúc (Affect), phán xét (Judgement), và đánh giá cảm quan (Appreciation).

Trong lĩnh vực phân tích diễn ngôn, Thuyết Đánh giá được xem là công cụ hữu hiệu để tiếp cận ngữ liệu có tính đánh giá và lập trường cao như: diễn ngôn báo chí (White, 2006; Vo, 2012; Nguyen, 2016; Nguyen et al., 2025), diễn ngôn giáo dục (Hood, 2010), và đặc biệt là diễn ngôn chính trị (Nguyễn Thị Thu Hiền, Hà Thanh Hải & Nguyễn Quang Ngoan, 2025; Nguyen, 2025; Pham, 2025). Thông qua việc phân tích cách diễn ngôn thể hiện cảm xúc (Affect), phán xét (Judgment) và đánh giá cảm quan (Appreciation), người nghiên cứu có thể làm sáng tỏ không chỉ ý nghĩa ngôn ngữ bề mặt (explicit) mà còn những giá trị ẩn sâu (implicit) mang tính tư tưởng và bản sắc. Ứng dụng Thuyết Đánh giá không chỉ giúp nhận diện tầng nghĩa đánh giá trong văn bản mà còn góp phần giải mã cách

\*TS; Trường Đại học Quy Nhơn; Email: voduyduc@qnu.edu.vn

\*\*TS; Trường Đại học Quy Nhơn; Email: hathanhhai@qnu.edu.vn

\*\*\*TS; Trường Đại học Quy Nhơn; Email: buithidao@qnu.edu.vn

diễn ngôn định hình quan hệ xã hội, củng cố bản sắc cộng đồng và truyền tải ý thức hệ. Trong bối cảnh nghiên cứu văn hóa đương đại, đặc biệt là các sản phẩm giao thoa giữa truyền thống và hiện đại như ca từ âm nhạc, Thuyết Đánh giá mang lại một lăng kính linh hoạt và sâu sắc để khám phá những lớp nghĩa đa chiều của ngôn ngữ nghệ thuật.

Theo khảo sát của chúng tôi, cho đến nay, các công trình nghiên cứu diễn ngôn dưới ánh sáng của Thuyết Đánh giá khá nhiều. Tuy nhiên, dùng Thuyết đánh giá để phân tích ca từ là một hướng tiếp cận khá mới mẻ, không chỉ trên bình diện quốc tế mà còn ở Việt Nam. Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu và phân tích các biểu hiện của nghĩa Thái độ (Attitude) trong ca từ của MV Bắc Blink, nhằm làm rõ cách người sáng tác truyền tải cảm xúc, đánh giá và quan điểm qua hệ thống từ ngữ sử dụng trong lời bài hát.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Như được đề cập ở trên, Thuyết Đánh giá (Appraisal Theory), được phát triển bởi Martin và White (2005), là một phần mở rộng của Ngữ pháp Chức năng Hệ thống (Systemic Functional Linguistics - SFL) của Halliday. Lý thuyết này tập trung vào bình diện nghĩa liên nhân (interpersonal meaning) - cách người sử dụng ngôn ngữ định hình và điều chỉnh mối quan hệ xã hội, thể hiện lập trường, cảm xúc và giá trị trong diễn ngôn.

Trong khi Halliday chỉ ra rằng, nghĩa liên nhân là một trong ba chức năng chính của ngôn ngữ, thì Thuyết Đánh giá cụ thể hóa chức năng này bằng một hệ thống gồm ba phân hệ chính, gồm: Thái độ (Attitude), Tham thoại (Engagement) và Cường độ (Graduation). Trong đó, hệ thống Thái độ là công cụ ngữ nghĩa dùng để thể hiện các lập trường đánh giá, bao gồm: Cảm xúc (Affect), Phán xét (Judgement), và Đánh giá cảm quan (Appreciation). Hệ thống Tham thoại phản ánh mức độ đơn thoại hay đa thoại trong diễn ngôn, thể hiện cách người nói/ viết định vị tiếng nói của mình trong tương quan với những tiếng nói khác, qua đó tạo nên sự tương tác giữa người phát ngôn và người tiếp nhận. Cuối cùng, Cường độ là hệ thống cho phép điều chỉnh mức độ mạnh - nhẹ, cao - thấp, làm mờ - làm rõ của các biểu thức đánh giá, giúp người dùng ngôn ngữ thể hiện sắc thái ngữ nghĩa một cách linh hoạt và tinh tế.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phân hệ Thái độ để phân tích ca từ trong MV “Bắc Blink”. Phân hệ này giúp nhận diện và phân loại các biểu hiện thái độ trong văn bản. Như được giới thiệu tổng quát ở trên, Thái độ được chia thành ba tiểu loại:

### - Cảm xúc (Affect):

Cảm xúc là một trong ba phân hệ của Thái độ (Attitude). Affect phản ánh trạng thái cảm xúc của con người liên quan đến niềm vui, nỗi buồn, sự tức giận, lo lắng, yêu thương, tự hào, v.v. Cảm xúc có vai trò thiết yếu trong việc định hình lập trường cá nhân, liên kết cộng đồng và xây dựng bản sắc văn hóa thông qua ngôn ngữ.

Về mặt hình thức, Cảm xúc có thể được thể hiện trực tiếp (hiển ngôn - inscribed) thông qua các tính từ, động từ hoặc danh từ chỉ cảm xúc (ví dụ: vui, thương, hạnh phúc, nhớ...), hoặc thể hiện gián tiếp (hàm ngôn - invoked) thông qua các mô tả tình huống giàu cảm xúc, hình ảnh ẩn dụ hoặc cấu trúc cú pháp mang tính biểu cảm.

Theo Martin và White (2005), Cảm xúc trong diễn ngôn có thể được thể hiện qua hai hình thức chính: Cảm xúc chủ thể (Authorial Affect) và Cảm xúc ngoại thể (Observed Affect). Cảm xúc chủ thể là loại cảm xúc trực tiếp thuộc về người phát ngôn, tức là người nói/ người viết tự biểu đạt cảm xúc của chính mình đối với một sự vật, sự kiện hay con người. Authorial Affect giúp người phát ngôn định vị cảm xúc cá nhân, xây dựng liên kết cảm xúc với người tiếp nhận và thể hiện thái độ chủ quan rõ rệt. Ngược lại, Cảm xúc ngoại thể là cảm xúc thuộc về một nhân vật khác, được người phát ngôn trình bày lại hoặc mô tả. Đây là loại cảm xúc gián tiếp, trong đó người phát ngôn định vị cảm xúc của người khác thông qua mô tả hành vi, trạng thái, hoặc qua lời thoại được dẫn.

### - Phán xét (Judgment):

Judgment là một trong ba phân hệ thuộc hệ thống Thái độ trong Thuyết Đánh giá của Martin và White (2005). Nếu Cảm xúc tập trung vào biểu đạt cảm xúc, thì Phán xét đóng vai trò đánh giá con

người dựa trên tư cách đạo đức, hành vi ứng xử và năng lực xã hội. Phán xét không đơn thuần là biểu hiện cảm xúc cá nhân mà thường mang tính chuẩn mực xã hội, góp phần kiến tạo diễn ngôn đạo lý, xã hội và quyền lực. Tương tự như Cảm xúc, Phán xét có thể được thể hiện bằng ngôn ngữ (hiển ngôn) hoặc ẩn dụ hoặc qua tình huống gợi hàm ý đạo đức (hàm ngôn).

Martin và White (2005) phân chia hệ thống Phán xét thành hai nhánh lớn: Phán xét về đạo đức (Social Sanction) và Phán xét về phẩm chất xã hội (Social Esteem). Phán xét về đạo đức là đánh giá dựa trên chuẩn mực đạo đức, liên quan đến việc con người làm điều đúng hay sai theo quy ước xã hội. Hình thức đánh giá này bao gồm: Tính trung thực (Veracity) như “đáng tin”, “thật lòng”, “thành thật” hay “dối trá” và Tính đúng đắn, tử tế (Propriety): hành vi có đạo đức, có lợi cho cộng đồng hay không như “tử tế” hay “tàn bạo”. Phán xét về phẩm chất xã hội là đánh giá dựa trên vị thế xã hội hoặc phẩm chất cá nhân liên quan đến năng lực, thái độ và hành vi ứng xử. Hình thức đánh giá này bao gồm: Bình thường (Normality) như “thường dân”, “lập dị”; Năng lực (Capacity) như “giỏi giang”, “có khả năng” hay “kém cỏi” và Kiên định (Tenacity) như “quyết tâm”, “bền bỉ” hay “dễ dàng bỏ cuộc”.

- *Đánh giá cảm quan (Appreciation):*

Đánh giá cảm quan là phân hệ cuối cùng của hệ thống Thái độ trong Thuyết Đánh giá. Nếu Cảm xúc hướng đến cảm xúc cá nhân, Phán xét đánh giá con người và hành vi, thì Đánh giá cảm quan được sử dụng để đánh giá các sự vật, hiện tượng, quá trình, không gian và sản phẩm văn hóa - nghệ thuật. Đây là hệ thống thể hiện thái độ thẩm mỹ và giá trị, giúp người phát ngôn diễn đạt quan điểm về vẻ đẹp, sự hấp dẫn, sự hài hòa hoặc tính giá trị của đối tượng đang được miêu tả.

Martin và White (2005) chia hệ thống Đánh giá cảm quan thành ba nhóm chính: Cảm quan thẩm mỹ (Reaction), Bố cục (Composition) và Giá trị (Valuation). Cảm quan thẩm mỹ được dùng để thể hiện phản ứng cảm xúc của người đánh giá trước một sự vật, quá trình hay hiện tượng như “đẹp”, “thanh lịch” hay “xấu xí”. Bố cục được dùng để đánh giá dựa trên cấu trúc, sự sắp xếp hoặc mức độ mạch lạc, đặc biệt trong sản phẩm nghệ thuật, thiết kế hoặc sự kiện như “hài hòa”, “hợp lý” hay “khập khiễng”. Giá trị là đánh giá dựa trên ý nghĩa, tầm quan trọng hoặc giá trị biểu tượng của đối tượng trong bối cảnh xã hội - văn hóa như “vô giá”, “linh thiêng” hay “lỗi thời”.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này vận dụng phương pháp phân tích diễn ngôn với trọng tâm là lời ca trong MV Bắc Bling, nhằm khám phá cách thức ngôn ngữ được sử dụng để biểu đạt thái độ, cảm xúc và các giá trị văn hóa liên quan đến con người và vùng miền. Phương pháp tiếp cận được đặt trên nền tảng của Thuyết Đánh giá (Appraisal Theory) do Martin và White (2005) phát triển, với ba tiểu hệ thống chính: Cảm xúc, Phán xét và Đánh giá cảm quan. Nghiên cứu kết hợp hai hướng tiếp cận: định tính (qualitative) và định lượng mô tả (descriptive quantitative). Trên cơ sở định tính, các câu ca tiêu biểu được phân tích nhằm làm rõ chiều sâu ngữ nghĩa liên nhân trong từng ngữ cảnh sử dụng. Đồng thời, dữ liệu cũng được mã hóa và phân loại theo các tiểu hệ thống của Thuyết Đánh giá để thống kê tần suất xuất hiện, từ đó cung cấp cái nhìn khái quát hơn về xu hướng biểu đạt thái độ trong toàn bộ lời hát. Sự kết hợp này không chỉ giúp làm sáng tỏ cách kiến tạo nghĩa trong từng câu hát, mà còn góp phần nhận diện chiến lược ngôn ngữ được sử dụng để xây dựng hình ảnh con người Bắc Ninh trong không gian âm nhạc đương đại.

*Cảm xúc (C):* nhận diện biểu thức cảm xúc hiển ngôn và hàm ngôn, phân biệt Cảm xúc chủ thể và Cảm xúc ngoại thể;

*Phán xét (P):* đánh giá theo các tiểu loại của Phán xét về đạo đức và Phán xét về phẩm chất xã hội;

*Đánh giá cảm quan (Đ):* xác định biểu thức thuộc các tiểu loại Cảm quan thẩm mỹ, Bố cục và Giá trị.

## 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 4.1. Nhận xét chung

Các yếu tố thuộc hệ thống Thái độ (Attitude) được sử dụng đa dạng trong ca từ của MV Bắc Blink, với sự hiện diện của cả ba tiểu hệ thống: Cảm xúc (Affect), Phán xét và Đánh giá cảm quan. Cụ thể:

Cảm xúc chiếm ưu thế nổi bật với 28 lần xuất hiện, tương đương 57,1% tổng số yếu tố thái độ được ghi nhận. Tần suất cao này cho thấy mức độ biểu hiện cảm xúc mạnh mẽ trong ca từ, phản ánh rõ nét cái tôi trữ tình và chất tự sự cá nhân của nhân vật trữ tình trong MV. Đồng thời, nó cũng cho thấy sự nhạy cảm của nhân vật này trước những cung bậc cảm xúc và trải nghiệm tập thể trong cộng đồng văn hóa mà cô ta quan sát và thuộc về.

Phán xét được ghi nhận 12 lần, chiếm 24,5% tổng số yếu tố thái độ, cho thấy sự hiện diện đáng kể của những đánh giá liên quan đến hành vi, năng lực và phẩm chất đạo đức. Những yếu tố này thường được vận dụng nhằm xây dựng hình ảnh bản thân, khẳng định vị thế cá nhân, hoặc để đưa ra nhận định về người khác trong các mối quan hệ cá nhân và trong cộng đồng văn hóa rộng lớn hơn.

Đánh giá cảm quan được sử dụng ít hơn, với 9 lần xuất hiện, chiếm 18,4%. Mặc dù tần suất thấp hơn hai hệ thống còn lại, nhưng những yếu tố Appreciation vẫn góp phần tạo nên hình ảnh không gian, vật thể, hoặc giá trị văn hóa.

Có thể nói, tần suất sử dụng các hệ thống Thái độ trong ca từ MV Bắc Blink cho thấy xu hướng ưu tiên thể hiện cảm xúc cá nhân, kết hợp với định vị bản thân thông qua phán xét, bên cạnh đó là sự hiện diện có chọn lọc của các đánh giá cảm quan để làm nổi bật tính thẩm mỹ và giá trị văn hóa của bối cảnh nghệ thuật. Các nội dung dưới đây sẽ đi sâu phân tích từng tiểu hệ thống biểu thị thái độ để hiểu rõ hơn thông điệp mà ca từ trong MV mang lại.

### 4.2. Cảm xúc

Tất cả các biểu hiện Cảm xúc trong ca từ MV Bắc Blink đều mang tính tích cực (100%), phản ánh một dòng cảm xúc lạc quan, yêu thương và đầy hi vọng. Phần lớn các trường hợp cảm xúc gắn liền với tình yêu quê hương và tình yêu đôi lứa, cụ thể là tình cảm mà cô gái - nhân vật trữ tình chính trong MV - dành cho chàng trai, người đã lỡ hẹn trong lễ hội đêm trăng rằm. Những cảm xúc này được thể hiện một cách rõ ràng, với 26/28 trường hợp mang tính hiển ngôn (explicit), cho thấy sự lựa chọn phong cách diễn ngôn trực tiếp, chân thành, không giấu giếm. Đồng thời, có 16/28 trường hợp thuộc dạng Authorial Affect, nghĩa là cảm xúc đến từ chính chủ thể trữ tình, thể hiện cái tôi cá nhân đang trực tiếp trải nghiệm và bộc lộ tình cảm. Các trích dẫn sau đây là những minh họa cho các biểu hiện cảm xúc trong ca từ MV Bắc Blink.

C1. *Ta về ta tắm ao ta. Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.*

C2. *Tình quê son sắt keo sơn.*

C3. *Hương đồng gió nội cây rom đợi chờ.*

Đoạn ca từ “*Ta về ta tắm ao ta. Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*” (C1) thể hiện rõ yếu tố cảm xúc (Affect) trong hệ thống Thuyết Đánh giá của Martin & White (2005), thông qua việc biểu đạt những cảm xúc tích cực hướng về quê hương, tiêu biểu cho tình cảm của người dân Bắc Ninh. Ấn sâu lời ca là cảm xúc gắn bó và thiên vị tích cực dành cho nơi chôn nhau cắt rốn: đâu có nhiều lựa chọn tốt đẹp hơn, thì “ao nhà” - biểu tượng cho quê hương - vẫn là nơi được ưu ái nhất. Sự thiên vị cảm xúc này bắt nguồn từ tình cảm sâu sắc được thể hiện ở C2: “*Tình quê son sắt keo sơn*”, trong đó tình yêu quê hương được khắc họa như một sợi dây bền chặt, khó lòng thay đổi.

Tiếp nối mạch cảm xúc ấy, câu C3 “*Hương đồng gió nội cây rom đợi chờ*” mở ra một không gian tràn ngập cảm giác thân thuộc và ấm áp, như thể quê hương luôn rộng cửa chờ đón người đi xa trở về, dù bản thân câu ca này không sử dụng trực tiếp các từ ngữ cảm xúc. Đáng chú ý, trong C1 và C2, cảm xúc được biểu đạt không đơn thuần là Authorial Affect (cảm xúc của cá nhân người nói), mà mang tính đại diện cho tập thể - tức cộng đồng người dân Bắc Ninh, trong đó có tác giả. Tương tự, C3 cũng khơi gợi cảm xúc cộng đồng, đặc biệt là nơi những người con xa xứ dễ dàng nhận thấy hình ảnh thân quen và rung cảm nội tâm. Bằng việc sử dụng ngôn từ gợi cảm xúc theo cách ấy, tác giả

không chỉ bày tỏ tình cảm cá nhân với quê hương, mà còn góp phần gắn kết cộng đồng thông qua những giá trị văn hóa và cảm xúc chung.

Từ tình cảm đối với quê hương, đất nước, tác giả chuyển sang tình yêu nam nữ thông qua hình thức kể chuyện (storytelling) với các yếu tố cảm xúc của người kể chuyện (Authorial Affect). Những ví dụ sau là minh chứng rõ nét.

C4. *Miếng trầu này, em đã được ướp thêm say*

C5. *Mang lời hứa trao duyên bao hẹn ước đêm nay*

Cả hai trường hợp C4 và C5 đều thể hiện rõ các biểu hiện của Cảm xúc, phản ánh những trạng thái cảm xúc tích cực trong tình yêu đôi lứa. Trong C4, cảm xúc được triển khai thông qua hình ảnh “miếng trầu” - một biểu tượng văn hóa đậm chất truyền thống - kết hợp với cụm từ chỉ cảm xúc “ướp thêm say”, qua đó gợi ra một tình yêu mãnh liệt và đầy say đắm mà nhân vật trữ tình, đại diện cho người con gái Kinh Bắc, dành cho người mình yêu. Đây là sự kết hợp giữa giá trị văn hóa và cảm xúc, tạo nên một biểu thức cảm xúc tác giả mang chiều sâu văn hóa và tính biểu tượng cao. Trong khi đó, C5 tiếp tục phát triển mạch cảm xúc ấy bằng cách nhấn mạnh vào các yếu tố của sự gắn bó và cam kết lâu dài thông qua những động từ giàu cảm xúc lứa đôi như “lời hứa”, “trao duyên” và “hẹn ước”. Những cụm từ này không chỉ cho thấy sự kỳ vọng vào một tương lai hạnh phúc, mà còn phản ánh niềm tin và cảm giác an tâm trong mối quan hệ tình cảm. Cả hai trường hợp đều góp phần khắc họa một tình yêu mang màu sắc truyền thống, sâu lắng và đầy chất thơ, gắn kết giữa cảm xúc cá nhân và chiều sâu văn hóa vùng miền.

Sau khi khắc họa một tình yêu đậm chất truyền thống qua những biểu tượng văn hóa như “miếng trầu” và “lời hứa trao duyên” - nơi cảm xúc được bộc lộ một cách say đắm nhưng cũng đầy trang trọng (C4, C5), mạch lời ca tiếp tục được triển khai với những biểu thức cảm xúc mãnh liệt và trực diện hơn. Ở những câu tiếp theo, người con gái không chỉ thổ lộ nỗi nhớ mong, lưu luyến (C6, C7), mà còn thể hiện tâm thế yêu có chọn lọc, giàu trải nghiệm (C8), và khát khao gắn bó không chỉ với người thương mà còn với không gian văn hóa cộng đồng - cụ thể là quê hương Bắc Ninh (C9). Những biểu thức này cho thấy chiều sâu cảm xúc không dừng lại ở tình yêu lứa đôi, mà còn mở rộng sang bình diện văn hóa - xã hội, nơi tình yêu cá nhân được đặt trong lòng bản sắc địa phương.

C6. *“Người ơi ới à ỉ a người ở đừng về”*

Câu hát mang đậm màu sắc dân ca Quan họ, vừa là lời mời gọi tình tứ, vừa là biểu hiện cảm xúc lưu luyến. Đây là một biểu thức Cảm xúc chủ thể ở dạng hiển ngôn, trong đó người phát ngôn trực tiếp thể hiện ước muốn tha thiết được người thương ở lại. Động từ “đừng về” mang sắc thái tha thiết và khẩn khoản, phản ánh trạng thái cảm xúc khát khao, níu giữ. Giai điệu đậm tính dân gian (tổ hợp “ỉ a”) không chỉ tạo âm hưởng truyền thống mà còn đóng vai trò tăng cường chiều sâu cảm xúc và tính biểu cảm.

C7. *“Để em ngày đêm ngóng trông hình bóng anh khắp bốn bề”*

Câu ca này tiếp nối mạch cảm xúc của C6, thể hiện tâm trạng nhung nhớ da diết qua hình ảnh “ngày đêm ngóng trông”. Đây tiếp tục là một biểu thức Cảm xúc chủ thể - hiển ngôn, trong đó người nói bộc lộ rõ nỗi chờ mong và nỗi cô đơn kéo dài.

C8. *“Anh có thương thì qua chứ anh đừng hứa đừng thề”*

Ở C8, cảm xúc được biểu đạt dưới dạng Cảm xúc pha trộn Phán xét, cụ thể là tình cảm đan xen với kinh nghiệm quá khứ và sự dè dặt trong niềm tin. Việc đề cập đến “hứa” và “thề” cho thấy người phát ngôn đã từng chịu tổn thương vì những lời hứa không được thực hiện, nên giờ đây đòi hỏi hành động thực tế (“qua”) thay vì lời nói sáo rỗng. Về mặt chức năng liên nhân, câu này thể hiện mong muốn gắn kết nhưng có điều kiện, phản ánh một cái tôi tỉnh táo trong yêu thương.

C9. *“Về đây Bắc Ninh cùng em thăm nông tình quê”*

Khác với ba câu trên (C6, C7, C8) mang sắc thái cá nhân, C9 mở rộng trường cảm xúc sang bình diện cộng đồng. Cảm xúc chủ thể - hiển ngôn ở đây mang tính hi vọng, hân hoan và gắn kết, thể hiện qua lời mời gọi: “về đây Bắc Ninh cùng em...”. Từ “thăm nông” gợi nên cảm giác ấm áp, đậm đà,

trong khi cụm “*tình quê*” không chỉ là khái niệm cảm xúc mà còn là một giá trị văn hóa. Do đó, Affect ở đây không chỉ mang tính cá nhân mà còn mang tính cảm cộng đồng.

Nếu như hệ thống Cảm xúc làm nổi bật đời sống nội tâm giàu cảm xúc của nhân vật trữ tình, thì ở bình diện tiếp theo - hệ thống Phán xét - lời ca trong Bắc Blink hướng đến đánh giá con người trên phương diện đạo đức, năng lực và phẩm chất xã hội.

#### 4.3. Phán xét

Lời ca trong MV Bắc Blink còn thể hiện rõ hệ thống Judgement thông qua các phát ngôn mang tính đánh giá con người và cộng đồng. Ca từ không chỉ truyền tải thông tin về con người Bắc Ninh mà còn hàm chứa những đánh giá tích cực nhằm tôn vinh bản sắc vùng miền, từ truyền thống ứng xử đến năng lực thể hiện và phong cách sống hiện đại. Năm câu tiêu biểu dưới đây là những minh chứng:

P1. Bắc Ninh vốn trong chữ tình.

P2. Nón quai thao em đợi ở sân đình.

P3. Mấy anh hai quay đầu nhìn cũng đình.

P4. Các dân chơi gọi là Bắc Blink Blink.

P5. Tinh hoa không thể nào mất, chất ở local

P1 thể hiện một dạng Phán xét về đạo đức (Judgement - Propriety) khi nhấn mạnh rằng người dân Bắc Ninh “*trong chữ tình*”, tức sống nặng nghĩa, sâu sắc và thủy chung - một phẩm chất được xã hội đề cao. P2 mô tả hình ảnh cô gái Bắc Ninh (nhân vật nữ chính) đội nón quai thao chờ đợi người yêu ở sân đình, hàm ý sự đoan trang, chuẩn mực và gắn bó với truyền thống, thuộc loại Phán xét về đạo đức, thể hiện sự đánh giá tích cực đối với những hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội, đồng thời thể hiện sự kiên nhẫn chờ đợi người yêu (Judgement - Tenacity) khi anh ta trễ hẹn trong đêm hội trăng rằm tháng giêng.

Trong P3, cách nói “*quay đầu nhìn cũng đình*” (trong ngữ cảnh hip hop, “*quay đầu*” là một động tác khó) mang nội hàm đánh giá về năng lực cá nhân (Judgement - Capacity), thể hiện sự thán phục trước kỹ năng và phong cách biểu diễn của các “anh hai”. Đáng chú ý, cụm từ “*các dân chơi*” trong P4 “*Các dân chơi gọi là Bắc Blink Blink*” cũng là một biểu thức mang tính Judgement - Normality, phản ánh cái nhìn xã hội về nhóm người có gu thẩm mỹ khác biệt, theo đuổi phong cách sống nổi bật, sành điệu, đôi khi được xem là “không theo khuôn mẫu truyền thống”. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh lời ca, cách gọi này hoàn toàn không mang sắc thái miệt thị, mà trái lại, thể hiện sự chấp nhận và đánh giá tích cực từ một cộng đồng có gu thẩm mỹ hiện đại, năng động. Việc Bắc Ninh được chính “*các dân chơi*” - đại diện cho lớp trẻ thời thượng - gọi bằng cái tên “Bắc Blink Blink” đã góp phần xác lập hình ảnh một vùng đất vừa giữ được truyền thống, vừa tự tin hội nhập với văn hóa đương đại. Điều này cho thấy nhân vật tập thể trong ca từ không chỉ “*chuẩn*” theo giá trị truyền thống (propriety), mà còn “*chất*” theo chuẩn mực mới của giới trẻ hiện đại (normality) - sự đặc biệt, khác biệt và đáng ngưỡng mộ. “*Cái chất*” đúng nghĩa của người dân địa phương được thể hiện trong ca từ dưới đây:

P5. Tinh hoa không thể nào mất, chất ở local

Câu hát này là một phát ngôn đậm tính phán xét, trong đó người nói (nhân vật nam chính trong MV) thể hiện thái độ đánh giá tích cực đối với bản sắc văn hóa địa phương. Cụm từ “*Tinh hoa không thể nào mất*” khẳng định niềm tin vào sự bền vững và giá trị vượt thời gian của truyền thống, thuộc phạm vi Judgement - Tenacity, bởi nó ngầm ca ngợi thái độ sống gắn bó và gìn giữ cái gốc của người dân địa phương. Trong khi đó, cụm “*chất ở local*” được đặt trong một ngữ cảnh biểu tượng mạnh: hình ảnh nhân vật trong MV hít một hơi thuốc lá và nhả khói bay lên trời như thể đang “*thăng hoa*”. Chi tiết này biến hành vi dân dã thường ngày thành một biểu tượng của cái “*chất*” riêng biệt, độc đáo, không pha trộn, hàm chứa yếu tố Judgement - Normality. Từ “*chất*” ở đây không chỉ đơn thuần nói đến sự “*ngầu*” theo cách hiểu hiện đại, mà là một kiểu đặc tính bản địa mang tính thẩm mỹ và cá tính riêng. Vì thế, cách diễn đạt này vừa gọi ra sự tự hào về bản sắc địa phương, vừa tạo cảm giác khác biệt đáng ngưỡng mộ, qua đó nâng tầm những nét văn hóa dân gian tưởng chừng bình dị thành biểu tượng văn hóa đặc trưng của người dân người Kinh Bắc.

Nếu như các câu hát trước chủ yếu tập trung khắc họa hình ảnh cộng đồng và bản sắc văn hóa người Bắc Ninh thông qua các biểu thức Judgement liên quan đến truyền thống, tài năng và cá tính tập thể, thì ở hai câu dưới đây thể hiện phán xét cá nhân về người con trai trong mối quan hệ tình cảm.

P6. *Trót thương em đâu thể ngồi im*

P7. *Cầm khăn í a làm tin*

Để hiểu rõ ý nghĩa của ca từ, chúng ta cần đặt P6 và P7 trong ngữ cảnh văn hóa của Lễ hội Lim và tình huống cụ thể trong lời hát. Theo Ngô Anh Đào (2022), Hội Lim gắn liền với truyền thuyết về Vua Bà, còn gọi là Bà Mụ Ả - một người tu hành và từng trụ trì chùa Hồng Ân (thường gọi là chùa Lim) cách đây hơn 300 năm và Lễ hội Lim diễn ra vào đêm 13 tháng Giêng hàng năm.

Trong bài hát, hai câu “*Sáng như đêm trăng rằm hội Lim. Biết em đâu mà tìm*” xuất hiện ngay trước đoạn “*Trót thương em đâu thể ngồi im*” (P6) và “*cầm khăn í a làm tin*” (P7), cho thấy bối cảnh quan trọng: chàng trai đã không đến đúng hẹn vào đêm Lễ hội Lim - đêm 13 tháng Giêng. Khi anh ta đến vào đêm rằm tháng Giêng, thì người con gái đã rời đi, khiến cuộc hẹn lỡ làng trong tiếc nuối. Lời ca không chỉ biểu đạt nỗi nhớ nhung hay day dứt mà còn hàm chứa những đánh giá xã hội tích cực về đạo đức và tư cách của người yêu. P6 thể hiện một phản ứng hành động xuất phát từ cảm xúc sâu sắc, nhưng đồng thời phản ánh phẩm chất trách nhiệm và chủ động trong tình yêu. Việc không “ngồi im” mà quyết định đi tìm người con gái cho thấy chàng trai là người kiên định, giàu tình nghĩa và không dễ buông bỏ. Đây là biểu hiện của Judgement - Tenacity (tính bền lòng) và đồng thời là Judgement - Propriety (phẩm hạnh), những phẩm chất luôn được đề cao trong không gian đạo lý truyền thống.

Tiếp nối đó, câu “*Cầm khăn í a làm tin*” (P7) cho thấy một hành động mang tính biểu tượng cao. Chiếc khăn, trong văn hóa dân gian, không chỉ là vật trao duyên mà còn là biểu tượng của cam kết, danh dự và sự thủy chung. Khi chàng trai để lại chiếc khăn như một tín vật, đó là hành động ngầm chứa lời hứa biểu thị cho sự chân thành và đáng tin cậy. Xét theo hệ thống Judgement, đây là một biểu thức của Phán xét về tính trung thực Judgement và tiếp tục khẳng định Phán xét đạo đức, tức đạo đức và sự chuẩn mực trong hành vi. Trong mạch văn hóa Bắc Bộ nói chung và dân ca quan họ nói riêng, hình ảnh người con trai như vậy chính là hình mẫu lý tưởng: không chỉ nồng nàn trong cảm xúc, mà còn nghiêm cẩn trong cách ứng xử tình cảm.

#### 4.4. *Đánh giá cảm quan*

Sau khi phân tích hệ thống Cảm xúc và Phán xét nhằm làm rõ cách lời ca trong MV Bắc Blink biểu đạt cảm xúc cá nhân cũng như những đánh giá tích cực về phẩm chất con người và cộng đồng, một khía cạnh quan trọng khác cần được xem xét là hệ thống Đánh giá cảm quan - tức các đánh giá về sự vật, hiện tượng và môi trường theo phương diện thẩm mỹ, giá trị văn hóa hoặc hiệu quả tác động. Trong bối cảnh một sản phẩm âm nhạc kết hợp truyền thống và hiện đại, hệ thống Đánh giá cảm quan cho phép ta nhận diện cách thức lời ca đánh giá các yếu tố văn hóa - từ cảnh vật, không gian lễ hội, đến các biểu tượng dân gian - không chỉ như những hình ảnh mô tả, mà như những đối tượng giàu tính thẩm mỹ, mang chiều sâu giá trị. Việc phân tích hệ thống Đánh giá cảm quan vì thế đóng vai trò làm nổi bật cách người phát ngôn kiến tạo vẻ đẹp và ý nghĩa cho thế giới nghệ thuật trong MV, từ đó góp phần củng cố các giá trị cảm xúc và đạo đức đã được thể hiện qua Cảm xúc và Phán xét. Ví dụ dưới đây là 1 minh chứng:

Đ1. *Sáng như đêm trăng rằm hội Lim;*

Đ2. *Biết em đâu mà tìm?!*

Câu Đ1, Đ2 thể hiện một biểu thức tiêu biểu của hệ thống Đánh giá cảm quan, trong đó người phát ngôn đưa ra một đánh giá cảm quan về không gian gắn với tình huống trễ hẹn trong bối cảnh lễ hội truyền thống. Cụm “*sáng như đêm trăng rằm Hội Lim*” (Đ1) thoát nhìn mang vẻ miêu tả giàu chất thơ, nhưng thực chất là một biểu thức nghịch lý: theo quy luật thiên văn và thực tế thời tiết vùng Kinh Bắc, đêm rằm tháng Giêng thường nhiều mây, mưa phùn, ánh trăng hiếm khi xuất hiện (Phan Tru, 2023). Do đó, việc gán cho nó đặc tính “sáng” là một cách nói phản thực - một phương thức thể

hiện Đánh giá cảm quan - Bố cục (đánh giá về bố cục và đặc tính không gian) nhằm nhấn mạnh sự tối tăm và mơ hồ của hoàn cảnh: một người con trai đang lạc giữa đêm hội, tìm kiếm người mình thương trong vô vọng - “biết em đâu mà tìm” (Đ2).

Nếu như hình ảnh “*Sáng như đêm trăng rằm Hội Lim. Biết em đâu mà tìm*” gợi lên một không gian lễ hội mang tính biểu cảm - nơi ánh trăng, tiếng hát và nỗi nhớ giao hòa trong cảm xúc lỡ hẹn của tình yêu đôi lứa, thì đến đoạn “*Bao sử sách địa linh nhân kiệt. Tam Phủ chốn bồng lai linh thiêng*”, mạch ca từ dần chuyển sang trực đánh giá cảm quan về không gian văn hóa - tâm linh của vùng Kinh Bắc.

Đ3. *Bao sử sách địa linh nhân kiệt*

Đ4. *Tam Phủ chốn bồng lai linh thiêng*

Đ3 và Đ4 thể hiện rõ lớp nghĩa mang tính đánh giá cảm quan về không gian văn hóa - tín ngưỡng vùng Kinh Bắc. Cụm từ “địa linh” trong Đ3 là một biểu thức thuộc loại đánh giá cảm gọi tả vùng đất ẩn chứa sinh khí, linh khí đặc biệt - nơi sản sinh ra anh hùng và nhân tài (nhân kiệt). Từ đó, không gian địa lí được nâng tầm trở thành một không gian có giá trị văn hóa - lịch sử thiêng liêng. Tiếp theo, cụm từ “chốn bồng lai” trong Đ4 là một phép ví von nhằm đánh giá không gian Tam Phủ như một chốn tiên cảnh, huyền ảo; đánh giá cao về đẹp kì vĩ, siêu thực của nơi đây. Cuối cùng, yếu tố đánh giá “linh thiêng” - cũng trong Đ4 - phản ánh cảm quan tôn kính, thiêng liêng đối với tín ngưỡng thờ Mẫu và văn hóa Tam Phủ. Cả ba yếu tố này phối hợp nhịp nhàng, không chỉ tạo nên một hình ảnh đầy chất thơ và huyền ảo, mà còn khẳng định chiều sâu văn hóa và niềm tự hào bản địa của người dân vùng Kinh Bắc.

## 5. Kết luận

MV *Bắc Bling* là một minh chứng tiêu biểu cho sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ nghệ thuật hiện đại và giá trị văn hóa truyền thống vùng Kinh Bắc. Qua phân tích hệ thống Thái độ trong Thuyết Đánh giá, bài nghiên cứu đã làm rõ cách ca từ thể hiện cảm xúc cá nhân, đánh giá phẩm chất con người và kiến tạo giá trị văn hóa - thẩm mỹ. Sự hiện diện đa dạng và có chiều sâu của ba tiểu hệ thống Cảm xúc, Phán xét và Đánh giá cảm quan cho thấy ca từ trong MV không chỉ mang tính giải trí mà còn là phương tiện tái hiện bản sắc vùng miền, củng cố niềm tự hào cộng đồng, và lan tỏa giá trị văn hóa dân gian trong không gian nghệ thuật truyền thống có yếu tố đương đại. Nghiên cứu này mở ra hướng tiếp cận mới trong phân tích diễn ngôn ca từ, đồng thời khẳng định tính ứng dụng cao của Thuyết Đánh giá trong lĩnh vực ngôn ngữ học văn hóa và truyền thông đại chúng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Ngô Anh Đào (2022), “Hội Lim”, Tạp chí *Giáo dục Nghệ Thuật*, số 41, 23-26.
2. Nguyễn Thị Thu Hiền, Hà Thanh Hải, Nguyễn Quang Ngoạn (2025), “Đặc điểm ngôn ngữ bày tỏ quan điểm trong bài phát biểu nhậm chức của Tổng Thống Mỹ Donald Trump năm 2025”. Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 7(370), tr.5-12.
3. Phan Trữ (2023), “Chạm tiết tháng giêng”, Tạp chí *Người Kinh Bắc*, số 3, 34.

### Tiếng Anh

4. Hood, S. (2010), *Appraising research: Evaluation in academic writing*. Palgrave Macmillan.
5. Martin, J. R., & White, P. (2005), *The language of evaluation: Appraisal in English*. Palgrave Macmillan.
6. Nguyen, H. N. T. (2025), *Graduation resources in the US presidential debate between Donald Trump and Kamala Harris*. MA Thesis in English Linguistics (Unpublished). Quy Nhơn: Department of Foreign Languages, Quy Nhơn University.
7. Nguyen, T. T. H. (2016), *An Appraisal study of social Attitudes in news reports towards President Obama’s visit to Vietnam*. *VNU Journal of Science: Foreign Studies*, 32(4), 21-29.

8. Nguyen, T. T. H., Ha, T. H., & Vo, D. D. (2025), An Experiential meaning in The New York Times commentaries on the Russia-Ukraine conflict: A Transitivity approach. *Journal of Language and Life*, 369(6B), 153-159.
9. Pham, N. Q. V. (2025), Attitudinal resources in the US presidential debate between Donald Trump and Kamala Harris. MA Thesis in English Linguistics (Unpublished). Quy Nhon: Department of Foreign Languages, Quy Nhon University.
10. Vo, D. D. (2012), Style, Structure and Ideology in English and Vietnamese business hard news reporting - A comparative study. Thesis of Doctor of Philosophy in Linguistics (Unpublished). Adelaide: Faculty of Social Sciences and Humanities, University of Adelaide.
11. White, P. R. R. (2006), Evaluative Semantics and ideological positioning in journalistic discourse: A new framework for analysis. In I. Lassen, J. Strunck & T. Vestergaard (Eds.), *Mediating ideology in text and image* (pp. 37-68). John Benjamins.

#### **Attitudinal meaning in the lyrics of MV Bac Bling in the light of appraisal theory**

**Abstract:** This study applies Appraisal Theory (Martin & White, 2005), particularly the Attitude subsystem, to analyze interpersonal meanings in the lyrics of the music video “Bắc Bling” by Hòa Minzy. Focusing on three subcategories - Affect, Judgement, and Appreciation - the research reveals that the lyrics not only express a strong lyrical persona but also convey positive evaluations of personal traits, cultural spaces, and aesthetic values associated with the Kinh Bắc region. Results show that Affect accounts for the highest proportion (57.1%), followed by Judgement (24.5%) and Appreciation (18.4%). Accordingly, Bắc Bling is viewed as a highly interpersonal discourse space where both individual and communal cultural identities are constructed through evaluative language choices. The study affirms the potential of Appraisal Theory as a robust analytical tool for examining contemporary song lyrics embedded with traditional cultural elements.

**Key words:** Appraisal Theory; Attitude; Affect; Judgement; Appreciation; Bắc Bling.